

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2020/KDTM-PT**

Ngày: 27-5-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
đại lý và tranh chấp bồi
thường thiệt hại*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Bà Trương Thị Bích Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐT.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐT tham gia phiên tòa:***

Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/5/2020 và ngày 27/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ĐT xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2020/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng đại lý và tranh chấp bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CH - Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn Ch, sinh năm 1984 - Chức vụ: Nhân viên phòng hành chính - Nhân sự, theo văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu công nghiệp TH, xã TH, huyện CT, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Hồ Văn T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 847, ấp Phú Thọ, xã AL, huyện TN, ĐT.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Thị Thanh Th, sinh năm 1989;

Bà Th ủy quyền cho ông Hồ Văn T, sinh năm 1988 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 847, ấp Phú Thọ, xã AL, huyện TN, ĐT (Theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2020).

Người kháng cáo: Ông Hồ Văn T là bị đơn và bà Trần Thị Thanh Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Đại diện Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam là ông Đỗ Văn Ch trình bày:* Ông T, bà Th là chủ đại lý bán thức ăn thủy sản Hồ Văn T. Tại hợp đồng đại lý số HĐDL2018/TS4-009 thể hiện đại lý ông T sẽ phân phối mặt hàng thức ăn cá cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam (gọi tắt là Công ty TNHH TW hay Công ty) từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2020. Thực hiện hợp đồng, Công ty đã giao hàng cho đại lý ông T, bà Th như thỏa thuận nhưng ông T, bà Th vi phạm hợp đồng là sau khi lấy hàng không thanh toán công nợ đầy đủ. Đến ngày 31/7/2019 đại lý ông T ngưng mua thức ăn của Công ty và còn nợ Công ty số tiền 6.565.657.200đ. Ngân hàng Thương mại ST - Chi nhánh ĐT, Phòng giao dịch HN bảo lãnh số tiền 2.000.000.000đ tại Thư tu chính bảo lãnh ngày 24/9/2018. Vào ngày 21/8/2019 và ngày 09/9/2019 Ngân hàng đã thanh toán số tiền 2.000.000.000đ, nên ông T, bà Th còn nợ lại 4.565.657.200đ đến nay chưa thanh toán mặc dù Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà Th thanh toán khoản tiền trên nhưng phía ông T, bà Th không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Công ty TNHH TW yêu cầu ông T, bà Th phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Công ty.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T, ông Ch có ý kiến như sau:

Công ty không đồng ý bồi thường thiệt hại bị mất thu nhập 2 tháng (tháng 9, tháng 10/2019), mỗi tháng là 378.732.133đ/tháng x 02 tháng = 757.464.266đ cho ông T, do ông T không đặt hàng và tự đơn phương không thực hiện hợp đồng đại lý.

Công ty chỉ đồng ý khấu trừ chiết khấu thương mại tháng 6/2019 số tiền 43.545.000đ. Còn tiền chiết khấu tiền mặt tháng 6/2019 số tiền là 94.500.000đ thì ông T không đủ điều kiện được hưởng vì ông T có nợ vượt định mức tháng 6/2019; số tiền chiết khấu thương mại năm 2019 là 145.219.800đ thì ông T không đủ điều kiện được hưởng vì ông T không thanh toán hết toàn bộ công nợ phát sinh của năm 2019.

Ông T yêu cầu Công ty thanh toán chi phí liên quan đến quá trình kiểm tra mẫu hàng hóa số tiền 50.000.000đ. Ông T tự lấy mẫu đi giám định nên Công ty không thống nhất bồi thường. Nhưng Công ty sẽ đồng ý hỗ trợ số tiền liên quan đến chi phí giám định là 47.022.500đ theo hóa đơn, chứng từ ông T cung cấp.

Về chất lượng sản phẩm thì Công ty chỉ bán cho ông T vào ngày 07/6/2019 mã hàng 940, 1.0mm/25kg, số lượng 9.000kg, thành tiền là 164.700.000đ và 08/6/2019 mã hàng 940, 1.0mm/25kg, số lượng 2.000kg, thành tiền là 36.600.000đ. Phía ông T cho rằng kém chất lượng là không có căn cứ vì phía ông T tự lấy mẫu đi giám định, Công ty chưa tiếp cận việc lấy mẫu, xem xét bao bì, nhãn hiệu hàng hóa nên chưa có căn cứ xác định đó có phải là hàng hóa của Công ty hay không nên Công ty không thống nhất bồi thường. Nhưng Công ty đồng ý hỗ trợ 100% của 11.000kg, mã hàng 940 với tổng số tiền là 201.300.000đ cho ông T, bà Th.

Đối với số tiền bà Th đã nộp phạt tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPVPHC ngày 28/11/2019 thì Công ty vẫn tự nguyện hỗ trợ số tiền 20.080.000đ lại cho bà Th, ông T.

Tổng cộng: là 311.947.500đ. Số tiền này Công ty đồng ý trừ vào số tiền 4.565.657.200đ mà ông T và bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty. Như vậy, ông T, bà Th còn nợ Công ty số tiền là 4.253.709.000đ (làm tròn).

Việc ông T mua hàng của ông Võ Hồng Ph thì ông T với ông Ph tự giải quyết với nhau.

Nay ông Đỗ Văn Ch là người đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu ông T, bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam số tiền 4.253.709.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Hồ Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh Th trình bày:* Ông T, bà Th thống nhất còn nợ Công ty số tiền 4.565.657.200đ nhưng ông T, bà Th không thống nhất trả theo yêu cầu của Công ty TNHH TW vì Công ty bán hàng cho ông T không đạt chất lượng, cụ thể, Công ty bán cho ông T vào ngày 07/6/2019 mã hàng 940, 1.0mm/25kg, số lượng 9.000kg, thành tiền là 164.700.000đ và 08/6/2019 mã hàng 940, 1.0mm/25kg, số lượng 2.000kg, thành tiền là 36.600.000đ và 6.000kg còn lại thì ông T mua của ông Võ Hồng Ph nhưng ông Ph cũng lấy hàng từ Công ty cũng không đạt chất lượng. Ông T, bà Th không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TW. Ngoài ra, Ông T yêu cầu phản tố như sau:

- Buộc Công ty bồi thường 2 tháng (tháng 9, tháng 10/2019) do ngưng bán hàng bị thiệt hại mất thu nhập hàng tháng mỗi tháng là 378.732.133đồng/tháng x 2 tháng = 757.464.266đ.

- Buộc Công ty thanh toán chiết khấu tiền mặt tháng 6/2019 số tiền là 94.500.000đ, chiết khấu thương mại tháng 6/2019 số tiền là 43.545.000đ, chiết khấu thương mại năm 2019 số tiền là 145.219.800đ.

- Buộc Công ty thanh toán chi phí liên quan đến quá trình kiểm tra mẫu hàng hóa số tiền 50.000.000đ.

Vào ngày 16/12/2019 bà Th có nộp số tiền 20.080.000đ tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPVPHC ngày 28/11/2019 và biên lai thu số 0014017 ngày 16/12/2019. Đề nghị Công ty trả lại cho bà Th.

Toàn bộ số tiền này nếu được chấp nhận thì ông T, bà Th đồng ý trừ vào số tiền 4.565.657.200đ mà ông T và bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN đã xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam đối với ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th.

Buộc ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam số tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu 4.253.709.000đ (Bốn tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm lẻ chín nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th chưa trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành án xong.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của ông Hồ Văn T đối với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn T số tiền chiết khấu thương mại tháng 6 năm 2019 là 43.545.000đ (Bốn mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) và chi phí kiểm tra mẫu hàng hóa số tiền là 47.022.500đ (Bốn mươi bảy triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Công nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam đối với ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th về việc hỗ trợ tiền mã hàng 940,1.0mm/25kg, số lượng 9.000kg, thành tiền là 164.700.000đ và 08/6/2019 mã hàng 940, 1.0mm/25kg, số lượng 2.000kg, thành tiền là 36.600.000đ, hỗ trợ chi phí tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPVPHC ngày 28/11/2019 và biên lai thu số 0014017, ngày 16/12/2019 số tiền 20.080.000đ (Hai mươi triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng cộng: 311.947.500đ (Ba trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng). Số tiền này đã được trừ vào số tiền 4.565.657.200đ (Bốn tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm đồng) mà ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 154.257.000đ (Một trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.360.000đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên thu số: BH/2018/0005647, ngày 14/10/2019. Ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th còn phải nộp tiếp 131.897.000đ (Một trăm ba mươi một triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.282.000đ (Năm mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên thu số: BH/2018/0005616 ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TN.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/01/2020, ông Hồ Văn T là bị đơn và bà Trần Thị Thanh Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST, ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ông Hồ Văn T đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thanh Th trình bày: ông T và bà Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TW. Ông T và bà Th không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TW do hàng hóa của Công ty kém chất lượng đã làm cho khách hàng không trả tiền cho ông T, bà Th sau khi bán cho họ đã gây thiệt hại cho ông T và bà Th.

- Ông Đỗ Văn Ch đại diện cho Công ty TNHH TW không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của ông T, bà Th. Bởi vì, việc ông T và bà Th nợ Công ty đã được ông T, bà Th xác nhận thừa nhận nợ, việc ông T cho rằng toàn bộ hàng hóa của Công ty không đạt chất lượng, nên không trả số tiền đã nợ cho Công ty là không có cơ sở. Tại phiên tòa ông Ch đại diện cho Công ty TNHH TW thống nhất tiếp tục hỗ trợ cho phía ông T, bà Th mã hàng 1332, số lượng 6 tấn

(6.000kg) mà ông T đã lấy hàng từ ông Võ Hồng Ph với số tiền 95.460.000 đồng, số tiền này sẽ được trừ vào phần công nợ của ông T, bà Th 4.565.657.200 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (quy định về thời hạn kháng cáo). Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo 03 nội dung: Ông T, bà Th cùng được hưởng 43.545.000 đồng tiền chiết khấu thương mại; Chấp nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam hỗ trợ thêm tiền thức ăn cho cá mã hàng 1332, số tiền 95.460.000 đồng đối với ông T, bà Th và buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phạt của bị đơn ông T được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện TN thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc “*Tranh chấp hợp đồng đại lý và tranh chấp bồi thường thiệt hại*” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án, vụ án trong thời hiệu khởi kiện. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Hồ Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh Th không thống nhất bản án sơ thẩm đã kháng cáo. Việc kháng cáo của ông T và bà Th là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 01/01/2018 giữa Công ty Trách nhiệm Hữu hạn TW Việt Nam và ông Hồ Văn T có thỏa thuận ký kết hợp đồng đại lý số HĐĐL2018/TS4-009. Theo đó phía ông T sẽ làm đại lý phân phối mặt hàng

thức ăn cá cho Công ty TNHH TW, thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do phía ông T cho rằng Công ty TNHH TW giao hàng không đạt chất lượng như đã thể hiện trên bao bì gây thiệt hại cho ông T không thu tiền được từ các hộ mua thức ăn của đại lý, nên đến ngày 31/7/2019 đại lý ông T ngưng mua thức ăn của Công ty và còn nợ Công ty số tiền 6.565.657.200đ. Phía Công ty TNHH TW có yêu cầu Ngân hàng Thương mại ST - Chi nhánh ĐT, Phòng giao dịch HN thanh toán số tiền bảo lãnh 2.000.000.000đ theo Thư tu chính bảo lãnh ngày 24/9/2018, nên ông T, bà Th còn nợ lại 4.565.657.200đ.

Tại phiên tòa Công ty TNHH TW yêu cầu ông T, bà Th trả số tiền còn nợ sau khi trừ số tiền mà Công ty thống nhất chiết khấu và hỗ trợ cho ông T, bà Th gồm: chiết khấu thương mại tháng 6/2019 số tiền 43.545.000đ, số tiền liên quan đến chi phí giám định là 47.022.500đ theo hóa đơn, chứng từ ông T cung cấp; số tiền nộp phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPVPHC ngày 28/11/2019 và theo biên lai thu số 0014017, ngày 16/12/2019 là 20.080.000đ và hỗ trợ 100% của 11.000kg thức ăn cá, mã hàng 940 với số tiền là 201.300.000đ và thống nhất tiếp tục hỗ trợ cho phía ông T, bà Th mã hàng 1332, số lượng 6 tấn (6.000kg) mà ông T đã lấy hàng từ ông Võ Hồng Ph với số tiền 95.460.000 đồng, tổng cộng là 407.407.500 đồng (43.545.000đ + 47.022.500đ + 20.080.000đ + 201.300.000đ + 95.460.000đ) được trừ vào số tiền nợ 4.565.657.200 đồng, còn nợ lại 4.158.249.700 đồng thì ông T, bà Th có nghĩa vụ phải trả cho Công ty, không có yêu cầu tính lãi. Phía ông T, bà Th không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TW đồng thời yêu cầu phản tố buộc Công ty TNHH TW phải bồi thường 02 tháng (tháng 9, tháng 10/2019) do ngưng bán hàng bị thiệt hại mất thu nhập là 757.464.266 đồng; chiết khấu tiền mặt tháng 6/2019 số tiền là 94.500.000 đồng, chiết khấu thương mại tháng 6/2019 số tiền là 43.545.000 đồng, chiết khấu thương mại năm 2019 số tiền là 145.219.800 đồng; chi phí liên quan đến quá trình kiểm tra mẫu hàng hóa số tiền 50.000.000 đồng và tiền nộp phạt số tiền 20.080.000 đồng tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPVPHC ngày 28/11/2019 và biên lai thu số 0014017 ngày 16/12/2019 đồng thời không thống nhất trả tiền nợ cho Công ty TNHH TW theo yêu cầu khởi kiện của Công ty.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH TW đối với ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th, buộc ông T, bà Th có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TNHH TW số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ và chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông T là có cơ sở. Bởi lẽ: Việc các bên đã thống nhất với nhau về số tiền mà ông T, bà Th còn nợ lại Công ty TNHH TW tính đến ngày 31/7/2019 là 4.565.657.200 đồng là trên cơ sở tự nguyện và đối chiếu khách quan giữa các bên, đã được ông T, bà

Th thừa nhận. Việc ông T, bà Th yêu cầu Công ty TNHH TW phải bồi thường các khoản như: chiết khấu thương mại tháng 6/2019 số tiền 43.545.000 đồng và số tiền liên quan đến chi phí giám định là 47.022.500 đồng theo hóa đơn, chứng từ ông T cung cấp đã được Công ty TNHH TW thống nhất bồi thường, ngoài ra Công ty TNHH TW cũng đồng ý hỗ trợ số tiền nộp phạt vi phạm hành chính là 20.080.000 đồng, 11.000kg thức ăn cá, mã hàng 940 với số tiền là 201.300.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm Công ty thống nhất hỗ trợ thêm cho phía ông T, bà Th 6.000kg thức ăn cá, mã hàng 1332, với số tiền 95.460.000 đồng, tổng cộng là 407.407.500 đồng. Riêng việc ông T, bà Th yêu cầu Công ty TNHH TW bồi thường thiệt hại 2 tháng (tháng 9, tháng 10/2019) do ngưng bán hàng nên bị thiệt hại mất thu nhập hàng tháng, mỗi tháng là 378.732.133đ/tháng x 02 tháng = 757.464.266đ là không có căn cứ chấp nhận, vì tháng 9 và tháng 10 năm 2019 ông T không đặt hàng và đã đơn phương không tiếp tục thực hiện hợp đồng đại lý số HĐĐL2018/TS4-009 và phụ lục hợp đồng đại lý cùng ngày 18/12/2018, ngoài ra ông T, bà Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại của mình là có cơ sở; Đối với số tiền chiết khấu thương mại năm 2019 là 145.219.800 đồng và tiền chiết khấu tiền mặt tháng 6/2019 là 94.500.000đ, xét thấy phía ông T, bà Th có nợ vượt định mức và không thanh toán toàn bộ công nợ phát sinh của năm, vì vậy không đủ điều kiện để được hưởng hai chiếc khấu này theo quy định tại mục 7, phần I của phụ lục hợp đồng đại lý, nên yêu cầu này không được chấp nhận là phù hợp.

Việc ông T cho rằng căn cứ vào Bản thỏa hiệp công nợ qua tín chấp ngày 25/6/2019 thì thời hạn trả nợ của ông đối với Công ty TNHH TW là đến hết ngày 25/12/2019, do chưa hết thời hạn thỏa thuận trả nợ nên Tòa án thụ lý giải quyết là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy Bản thỏa hiệp công nợ qua tín chấp lập ngày 25/6/2019 có hiệu lực từ ngày 01/7/2019 đến hết ngày 25/12/2019, trong thời gian này thì ông T không có giao dịch nào phát sinh nợ Công ty TNHH TW, còn khoản nợ đối với số tiền 4.565.657.200đ mà ông T, bà Th nợ Công ty TNHH TW được xác lập trước ngày 01/7/2019 và có tranh chấp, nên việc Tòa án thụ lý giải quyết là không vi phạm tố tụng, nên không chấp nhận trình bày của ông T.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th là không có cơ sở như đã phân tích trên, đồng thời việc ông T, bà Th không chấp nhận trả nợ cho Công ty TNHH TW do cho rằng hàng hóa của Công ty kém chất lượng, đã làm cho khách hàng không trả nợ cho ông T, bà Th đã gây thiệt hại cho ông bà, xét trình bày này là không có cơ sở vì ông T, bà Th đã thừa nhận số tiền phải trả và không chứng minh được toàn bộ số lượng hàng hóa mà ông T, bà Th mua còn nợ Công ty TNHH TW đều là hàng hóa kém chất lượng, nên không chấp nhận yêu cầu ông T, bà Th là phù hợp.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[6] Từ cơ sở trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th, sửa một phần bản án sơ thẩm theo sự tự nguyện hỗ trợ của Công ty TNHH TW đối với số tiền 95.460.000 đồng cho ông T, bà Th và sửa án phí sơ thẩm mà Công ty TNHH TW phải chịu tương ứng với số tiền 90.567.500đ đồng theo yêu cầu phản tố của ông T được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do án sơ thẩm bị sửa, nên ông T và bà Th không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th;

2. Chấp nhận sự T nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam hỗ trợ thêm cho ông T, bà Th 6.000kg thức ăn cá, mã hàng 1332, với số tiền 95.460.000 đồng;

3. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 200, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 168, 171, 173, 175, 302 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam đối với ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th.

Buộc ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam số tiền mua thức ăn thủy sản còn thiếu là 4.158.249.700đ (Bốn tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm đồng).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th chưa trả xong số tiền

trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3.2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hồ Văn T đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th số tiền chiết khấu thương mại tháng 6 năm 2019 là 43.545.000 đồng và chi phí kiểm tra mẫu hàng hóa số tiền là 47.022.500 đồng.

Công nhận sự T nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam về việc thống nhất hỗ trợ thiệt hại cho ông T và bà Th đối với thức ăn cá mã hàng 940, 1.0mm/25kg, số lượng 9.000kg, thành tiền là 164.700.000 đồng; mã hàng 940, 1.0mm/25kg, số lượng 2.000kg, thành tiền là 36.600.000 đồng; mã hàng 1332, số lượng 6.000kg, thành tiền là 95.460.000 đồng và tiền nộp phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 37/QĐ-XPVPHC ngày 28/11/2019 và theo biên lai thu số 0014017, ngày 16/12/2019 số tiền 20.080.000 đồng.

Như vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th các khoản trên tổng cộng là 407.407.500 đồng. Số tiền này đã được trừ vào số tiền 4.565.657.200 đồng mà ông T và bà Th nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam, nên ông T, bà Th còn nợ lại 4.158.249.700 đồng và có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam như nêu trên.

2.3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 154.162.000đ (Một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.360.000đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: BH/2018/0005647 ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN. Ông T và bà Th còn phải nộp thêm 131.802.000đ (Một trăm ba mươi một triệu, tám trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam phải chịu 4.528.000đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.282.000đ (Năm mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn đồng), theo biên lai thu số: BH/2018/0005616 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN. Hoàn trả

lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn TW Việt Nam số tiền thừa 51.754.000đ (Năm mươi một triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Ông Hồ Văn T và bà Trần Thị Thanh Th không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0005842 ngày 21/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TN.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, T nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSPA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi